TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST
Ngày:22-7-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền

2. Bà Phạm Thị Nhâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:*Ông Trần Trung Kiên -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:132/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp HĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:*Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp HĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị với anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH vào năm 2013. Anh chị có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 12/02/2005; Nguyễn Quốc L, sinh ngày 08/11/2007 và Nguyễn Kiều D, sinh ngày 19/7/2009. Hiện nay cháu Tr và cháu D đang sống với chị, cháu L đang sống với anh L. Chị H cho rằng anh L thường xuyên uống rượu, ghen tuông và đánh chị.

Đến nay chị cảm thấy mối quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Chị đồng ý giao con chung là Nguyễn Quốc L cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tr và cháu D. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.Chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, anh L có gửi đến Tòa bản tự khai với nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, đồng ý tiếp tục nuôi cháu L và giao cháu D với cháu Tr cho chị H nuôi dưỡng; Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, nợ chung và tài sản chung.

Cháu Nguyễn Kiều D và Nguyễn Thị Tr có lời khai thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng mẹ vì từ nhỏ các cháu đã sống gần gũi mẹ.

Cháu Nguyễn Quốc L có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha vì mẹ đã có chị và em sống cùng nên muốn gần gũi với cha.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71.Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn L. Giao cháuNguyễn Quốc L cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Thị Tr và Nguyễn Kiều D cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Không xem xét giải quyết về cấp dưỡng, nợ chung và tài sản chung do đương sự không yêu cầu. Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của chị H và anh L không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Anh, Chị vàkhông làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên

Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L và chị H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị Hvà anh Llà tự nguyện và hợp pháp. Chị H xác định chị thật sự không còn tình cảm với anh L và không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân. Anh L cũng đồng ý ly hôn với chị H.Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị Hvà anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Hiện nay cháuNguyễn Quốc Lđang sống với anh Nguyễn Văn L, chịH cũngđồng ý tiếp tục giao cháuL cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; Anh L đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Tr và Nguyễn Kiều D cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hộiđồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chịH và anh L. ChịH và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Vềtài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Lxác định không cótài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53,Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 12/02/2005 và cháu Nguyễn Kiều D, sinh ngày 19/7/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 08/11/2007 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

ChịNguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

4. Vềtài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003543ngày 08/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản ản hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm